

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT

Ngày 30-3-2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Bá Dự

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Đình Nam

Bà Đinh Thị Như Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: 354 đường Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*Bị đơn:* Bà Đặng Thị Hồng Y.

Địa chỉ: 395 đường Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Huỳnh Đặng Ph.

- Anh Huỳnh Đặng L.

- Anh Huỳnh Đặng T.

Cùng địa chỉ: 395 đường Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào ngày 31/10/2012, vợ chồng ông Huỳnh Văn H, bà Đặng Thị Hồng Y có mượn của bà 100.000.000 đồng để làm ăn và hẹn khi nào làm ăn có tiền sẽ trả cho bà. Năm 2018, ông H chết, bà có đến yêu cầu bà Y trả tiền nhưng bà Y trả lời ông H chết rồi nên bà Y không trả tiền. Nên bà khởi kiện yêu cầu bà Y và những người con của bà Y phải chịu trách nhiệm trả cho bà 100.000.000 đồng tiền gốc; tiền lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 31/10/2012 đến khi thanh toán xong khoản nợ, lãi tạm tính là 84.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 184.000.000 đồng.

*Bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y trình bày:*

Chồng bà là ông Huỳnh Văn H là anh cùng mẹ khác cha với bà H. Vì anh em trong nhà nên ngày 31/10/2012, vợ chồng bà có viết giấy mượn tiền của bà H 100.000.000 đồng dùng để trả lãi cho ngân hàng và hẹn với nhau khi nào làm ăn có sẽ trả cho bà H. Sau đó, khoảng cuối năm 2012, vợ chồng bà có cần trừ cho bà H một bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 45.000.000 đồng, có bà Nguyễn Thị Ng là chị ruột của bà H, anh Nguyễn Minh Ph là thợ sửa xe tiệm nhà vợ chồng bà cùng giúp đưa bộ bàn ghế lên xe để chở đến nhà bà H. 55.000.000 đồng còn lại một thời gian sau, ông H đã tính toán và trả cho bà H xong, không còn nợ nần nhau. Khi trả tiền, vì là anh em nên tin tưởng, ông H không yêu cầu bà H viết giấy tờ gì cả và cũng không yêu cầu bà H trả lại giấy mượn tiền ngày 31/10/2012. Từ trước đến nay, bà không nghe bà H nhắc đến khoản nợ trên, cho đến khi chồng của bà chết thì bà H sử dụng giấy tờ đã trả rồi để kiện. 100.000.000 đồng mà vợ chồng bà mượn của bà H đã thanh toán xong cho bà H từ lâu, không liên quan gì đến các con của bà nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Anh Huỳnh Đặng T trình bày:* Bà Đặng Thị Hồng Y, ông Huỳnh Văn H (ông H chết năm 2018) là cha mẹ đẻ của anh, bà Nguyễn Thị H là cô ruột của anh. Việc cha mẹ anh làm ăn chung và viết giấy mượn tiền với bà Nguyễn Thị H như thế nào anh không biết, vì thời điểm đó các anh em anh còn nhỏ, chỉ được nghe kể lại là số nợ 100.000.000 đồng mượn của bà H vào năm 2012, cha mẹ anh đã thanh toán xong bằng cách cần trừ bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 45.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng cha anh là ông H trực tiếp thanh toán xong cho bà H. Hiện nay, cha anh đã chết, việc vay mượn do cha mẹ anh thực hiện và đã trả xong nợ nên anh đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết, anh xin vắng mặt.

- *Anh Huỳnh Đặng Ph, anh Huỳnh Đặng L:* Đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 615, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đặng Thị Hồng Y phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi là 59.287.950 đồng.

Buộc bà Đặng Thị Hồng Y và anh Huỳnh Đặng Ph, anh Huỳnh Đặng L, anh Huỳnh Đặng T, cùng phải có trách nhiệm chung, thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi là 59.287.950 đồng.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi 65.424.100 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2021, bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

*Tại phiên toà phúc thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, khấu trừ giá trị của bộ bàn ghế salon là 45.000.000 đồng vào khoản nợ mà bị đơn còn phải trả, buộc bà Đặng Thị Hồng Y phải trả cho bà Nguyễn Thị H 55.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính trên nợ gốc từ ngày 31/10/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng, tổng cộng là 184.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án bản gốc của tài liệu có tiêu đề là “*Giấy mượn tiền*” ngày 31/10/2012 (bút lục số 64) để chứng minh.

Tham gia tố tụng, bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y, thừa nhận sự việc vợ chồng bà nợ bà H 100.000.000 đồng vào năm 2012 như bà H đã trình bày là đúng và “*Giấy mượn tiền*” ngày 31/10/2012 mà bà H đã nộp cho Tòa án là do vợ chồng bà

viết và ký. Nhưng bà Y cho rằng khoảng cuối năm 2012, vợ chồng bà đã cản trừ cho bà H một bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 45.000.000 đồng và sau đó một thời gian chồng bà là ông Huỳnh Văn H đã trả 55.000.000 đồng còn lại cho bà H, vì là anh em nên ông H không yêu cầu bà H viết giấy tờ gì cả và cũng không yêu cầu bà H trả lại “*Giấy mượn tiền*” ngày 31/10/2012.

Tuy nhiên, thấy rằng đây chỉ là lời khai một phía của bà Y và không được nguyên đơn là bà H thừa nhận; bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật; lời khai của những người làm chứng về việc cản trừ bộ bàn ghế salon gỗ thể hiện họ không biết cản trừ khoản nợ nào, cản trừ số tiền là bao nhiêu. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bị đơn cho rằng đã trả 100.000.000 đồng nợ gốc cho nguyên đơn.

Khoản tiền 100.000.000 đồng mà bà Y, ông H vay của bà H như nội dung thể hiện tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 31/10/2012, là khoản nợ chung của vợ chồng, nên bà Y, ông H đều có nghĩa vụ như nhau trong việc trả khoản nợ này.

Ông Huỳnh Văn H chết ngày 02/4/2018, theo lời khai của bà Y thì cha mẹ của ông H đều đã chết, ông H có 03 người con là anh Huỳnh Đăng Ph, anh Huỳnh Đăng L, anh Huỳnh Đăng T. Vậy người thừa kế của ông H gồm bà Đặng Thị Hồng Y, anh Huỳnh Đăng Ph, anh Huỳnh Đăng L, anh Huỳnh Đăng T.

Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại; trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại; trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Theo quy định trên, nếu anh Ph, anh L, anh T và bà Y được hưởng di sản do ông H chết để lại, thì họ mới phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông H để lại và họ chỉ phải thực hiện nghĩa vụ đó trong phạm vi di sản do ông H chết để lại.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai lập ngày 11/01/2022, bà Y trình bày “*Chồng tôi ông Huỳnh Văn H chết chỉ có duy nhất nhà và đất tại địa chỉ 395 đường Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai là tài sản chung do hai vợ chồng tôi gây dựng lên*”.

Như vậy, có cơ sở để xác định di sản của ông H là 1/2 giá trị nhà và đất tại địa chỉ 395 đường Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 746315 do UBND thị xã A cấp ngày 29/12/2006.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập được thể hiện, ngày 13/8/2018 (sau thời điểm ông H chết) những người thừa kế của ông H gồm bà Đặng Thị Hồng Y, anh Huỳnh Đăng Ph, anh Huỳnh Đăng T và anh Huỳnh Đăng L đã

lập “*Văn bản thỏa thuận phân chia (tặng cho) di sản thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế*” đối với di sản do ông H chết để lại là quyền sử dụng đất và nhà ở trong tài sản chung với vợ (*bà Đặng Thị Hồng Y*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 746315 do UBND thị xã A cấp ngày 29/12/2006; địa chỉ nhà đất tại 395 đường Q, tổ dân phố 10, phường A, thị xã A. Theo đó, những người thừa kế thỏa thuận phân chia (tặng cho) toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở theo giấy tờ nêu trên cho bà Đặng Thị Hồng Y, văn bản này được Phòng công chứng số 3 tỉnh Gia Lai công chứng số 3569/HĐ-GD.

Như vậy, di sản do ông H chết để lại đã được chia và bà Y là người được hưởng toàn bộ di sản đó, nên bà Y phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại, theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh di sản của ông H, không thu thập các tài liệu, chứng cứ để xác định người được hưởng di sản đó của ông H, từ đó xác định người phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại, mà đã buộc tất cả những người thừa kế của ông H (*bà Y, anh Huỳnh Đặng Ph, anh Huỳnh Đặng L, anh Huỳnh Đặng T*) cùng có trách nhiệm trong việc phải trả cho bà H 59.287.950 đồng nợ gốc và lãi, là không đúng.

Trường hợp này, cần phải buộc bà Y trả 50.000.000 đồng nợ gốc, là  $\frac{1}{2}$  khoản nợ chung và 50.000.000 đồng nợ gốc là nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại trong phạm vi di sản mà bà Y được hưởng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Y trả 100.000.000 nợ gốc cho nguyên đơn.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi:

Tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 31/10/2012, các bên không thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nợ gốc và không thỏa thuận về lãi suất, do đó các bên đã xác lập hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Mặc dù, trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai có nhiều lần đến đòi nợ nhưng bị đơn không trả, nhưng lời khai này không được bị đơn thừa nhận và nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã báo trước cho bị đơn một thời gian hợp lý về việc đòi lại tài sản.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì “*Thời gian hợp lý*” quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày thông báo”.

Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Như đã nhận định, các bên không thỏa thuận thời hạn mà bên vay trả nợ. Hồ sơ vụ án thể hiện không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn về nghĩa vụ trả nợ trong thời gian hợp lý như các quy định trên. Ngày 21/10/2019, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, ngày 03/1/2020, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và ngày 20/1/2020 mới giao Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Vì vậy, xác định ngày nguyên đơn “*thông báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý*” là ngày 20/1/2020 và “*thời gian hợp lý*” là 03 tháng kể từ ngày 20/1/2020, nên ngày hết “*thời gian hợp lý*” là ngày 20/4/2020.

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo quy định của pháp luật với thời gian tính lãi từ ngày 31/10/2012 là không có cơ sở và việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lãi từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (21/10/2019) cũng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,75 %/tháng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn theo lãi suất là 0,75%/tháng (0,025%/ngày).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Thời gian phải trả lãi từ ngày 21/4/2020 đến ngày 30/8/2021 là 1 năm 4 tháng 9 ngày (16 tháng 9 ngày).

Số tiền lãi phải trả là: 100.000.000 đồng x 16 tháng 9 ngày x 0,75 %/tháng = 12.225.000 đồng.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Y phải trả cho bà H 100.000.000 đồng nợ gốc và 12.225.000 đồng lãi.

[4] Do sửa bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $112.225.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.611.250 \text{ đồng}$ .

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $(84.000.000 \text{ đồng} - 12.225.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.588.750 \text{ đồng}$ .

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H với bị đơn là bà Đặng Thị Hồng Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Đặng Ph, anh Huỳnh Đặng L, anh Huỳnh Đặng T.

Áp dụng các Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 398; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 và Điều 615 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đặng Thị Hồng Y phải trả cho bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng nợ gốc và 12.225.000 đồng lãi; tổng cộng là 112.225.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, bà Đặng Thị Hồng Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Đặng Thị Hồng Y phải trả 71.775.000 đồng lãi.

- Buộc bà Đặng Thị Hồng Y phải chịu 5.611.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.588.750 án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.600.000 đồng theo Biên lai số 0004230 ngày 3/1/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch 1.011.250 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Hồng Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà Đặng Thị Hồng Y 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001565 ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TANDthị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Giáp Bá Dự**